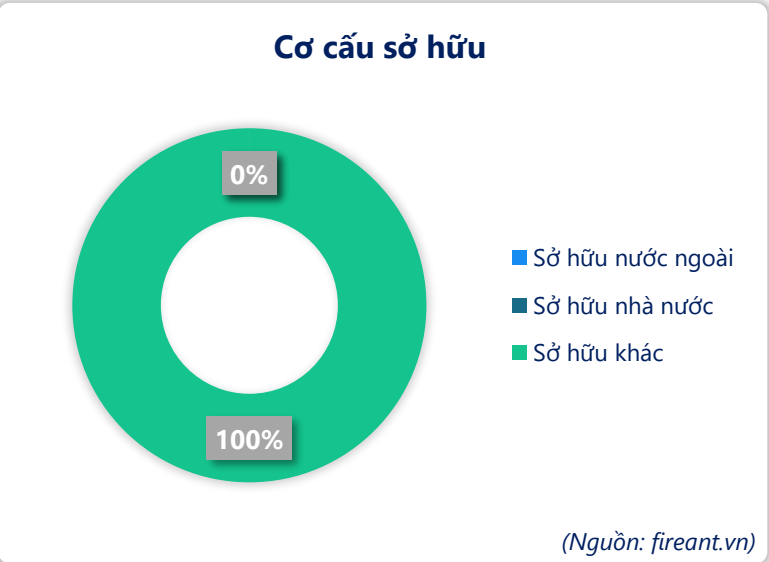
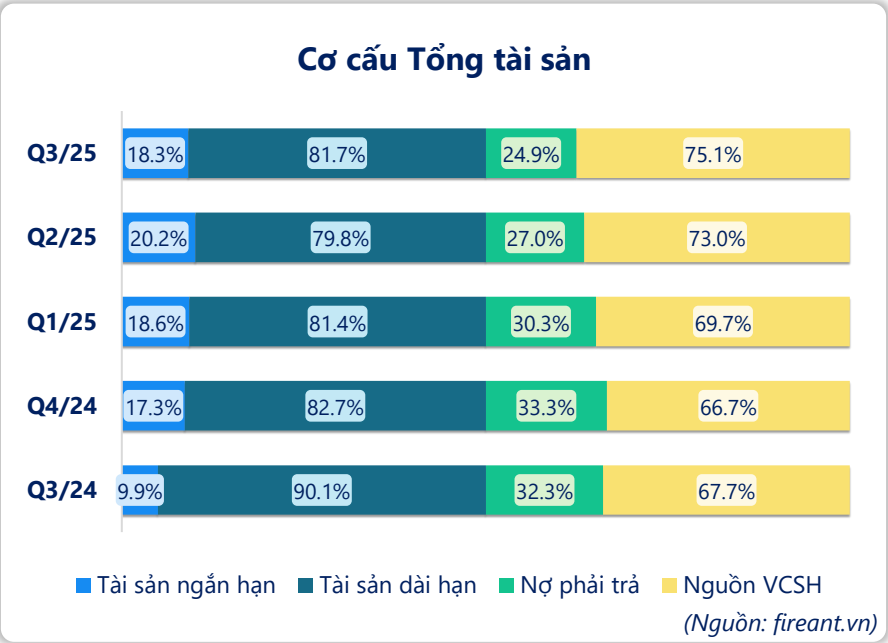
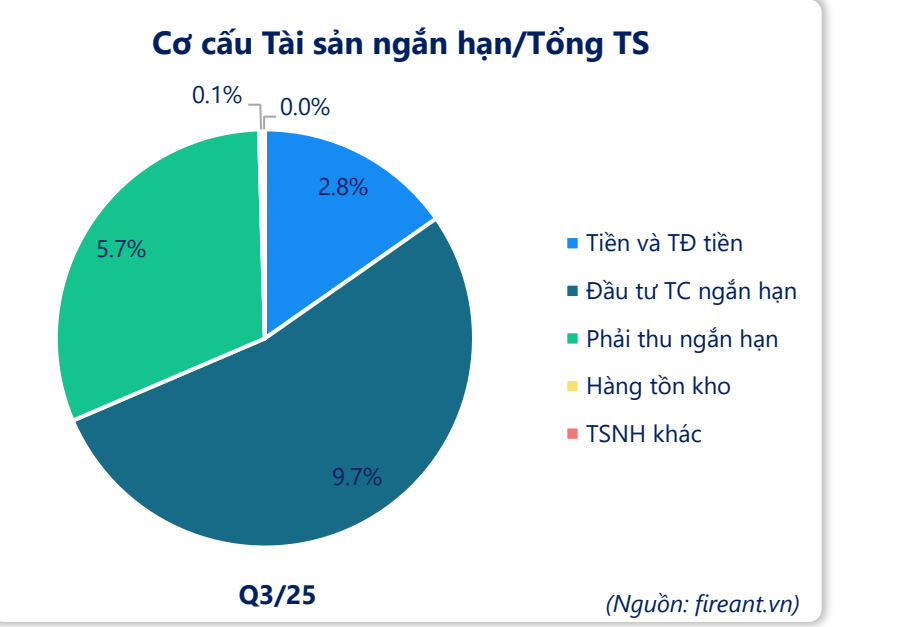
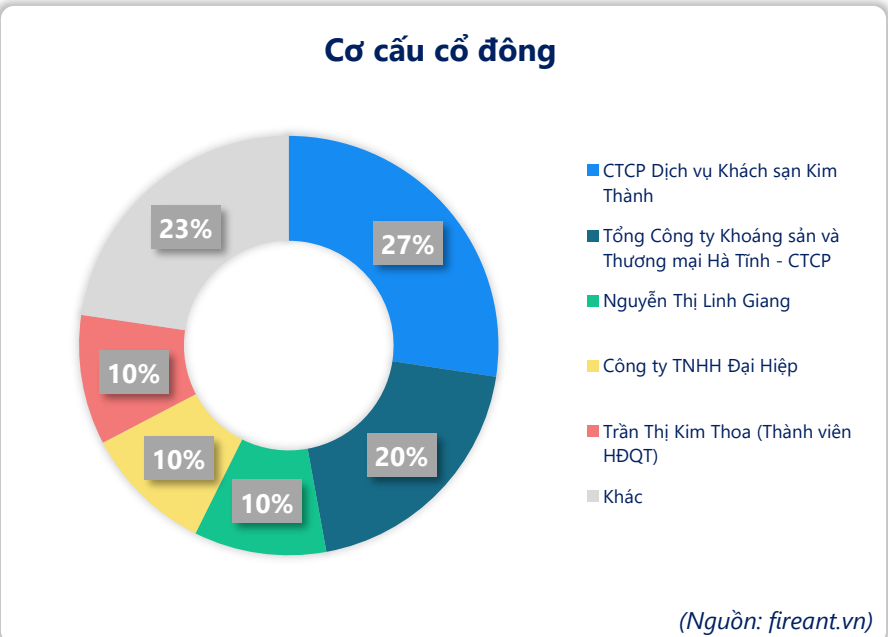
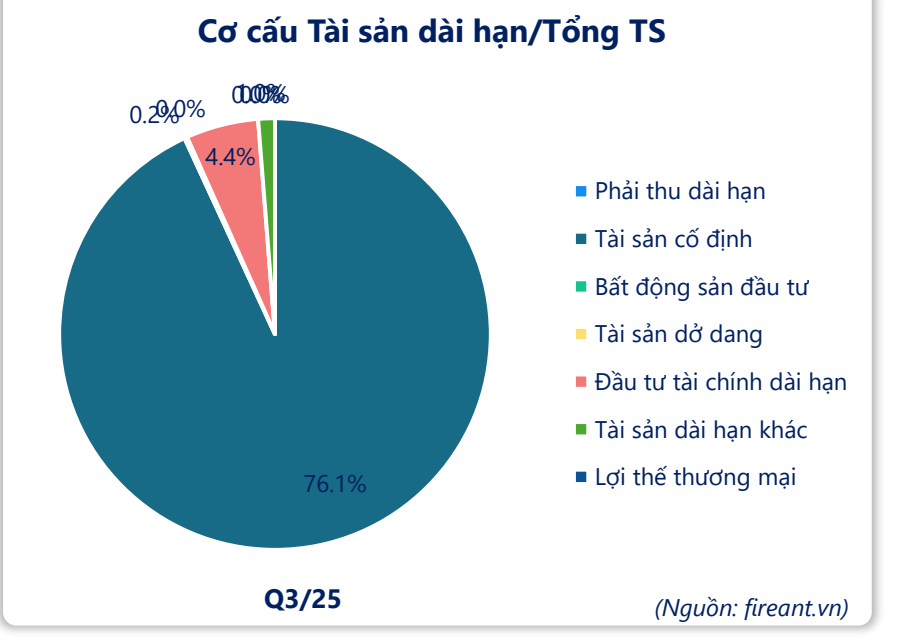
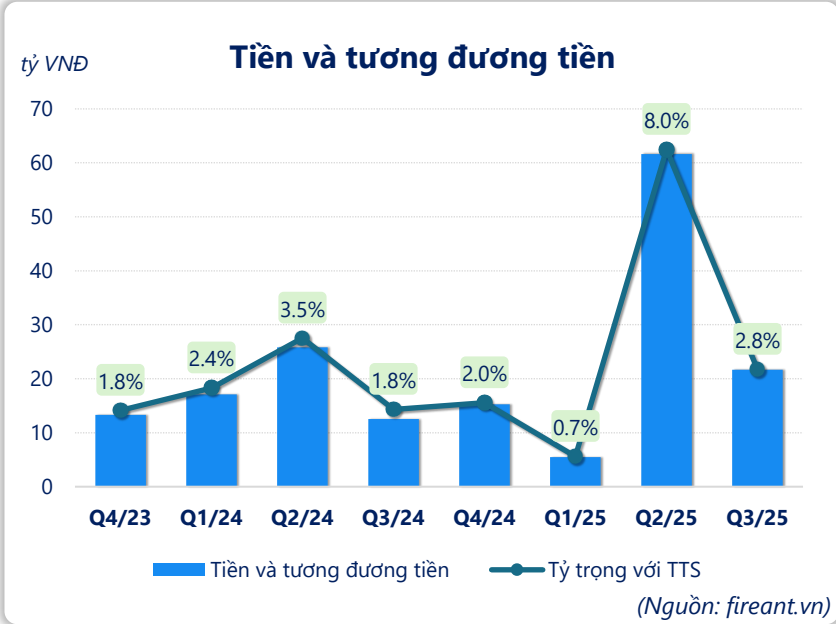
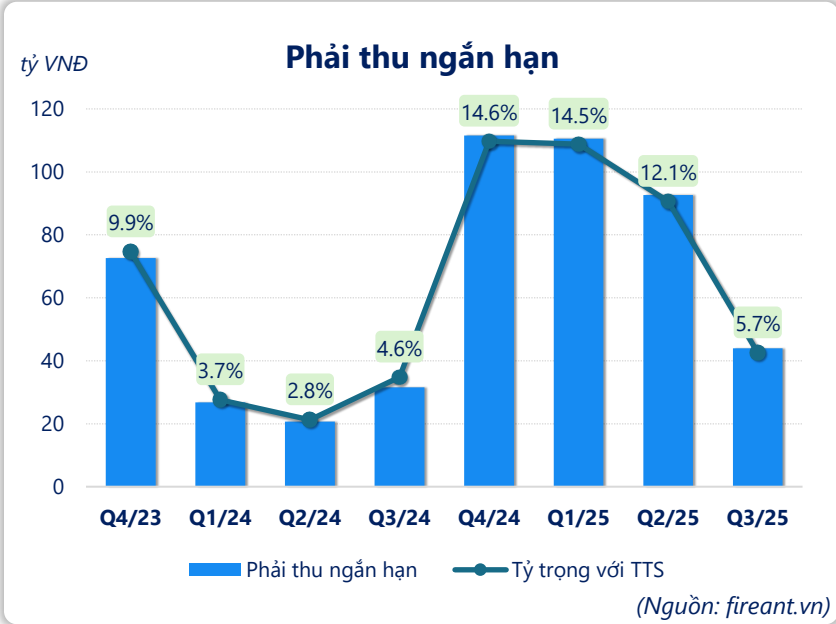
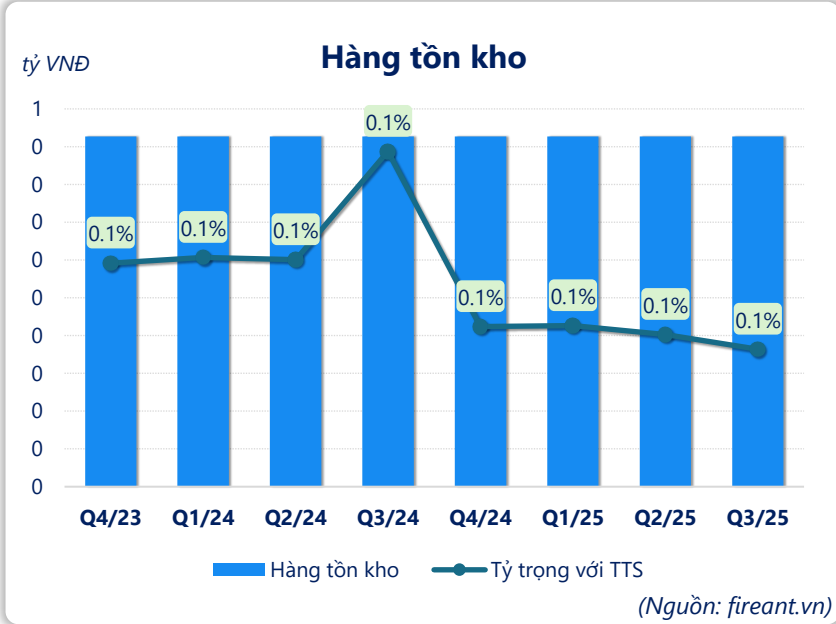
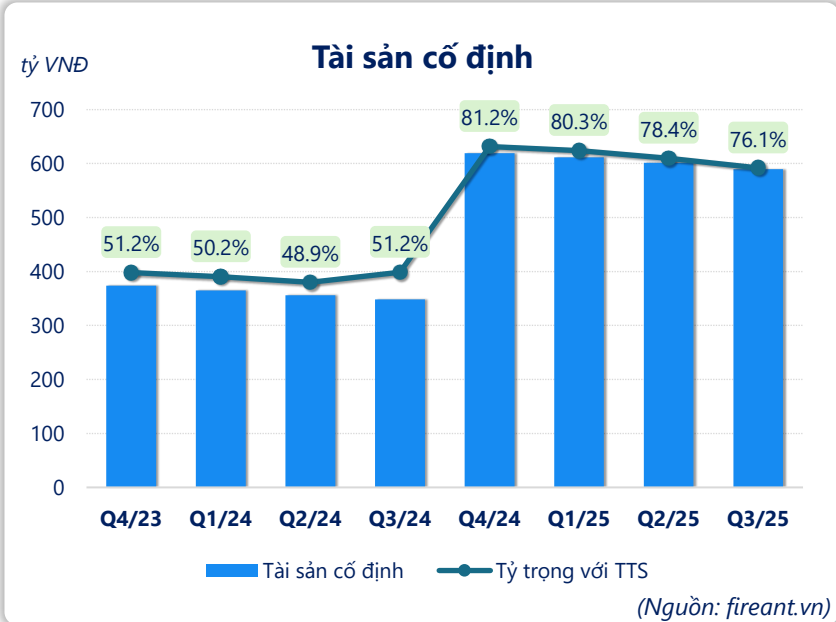
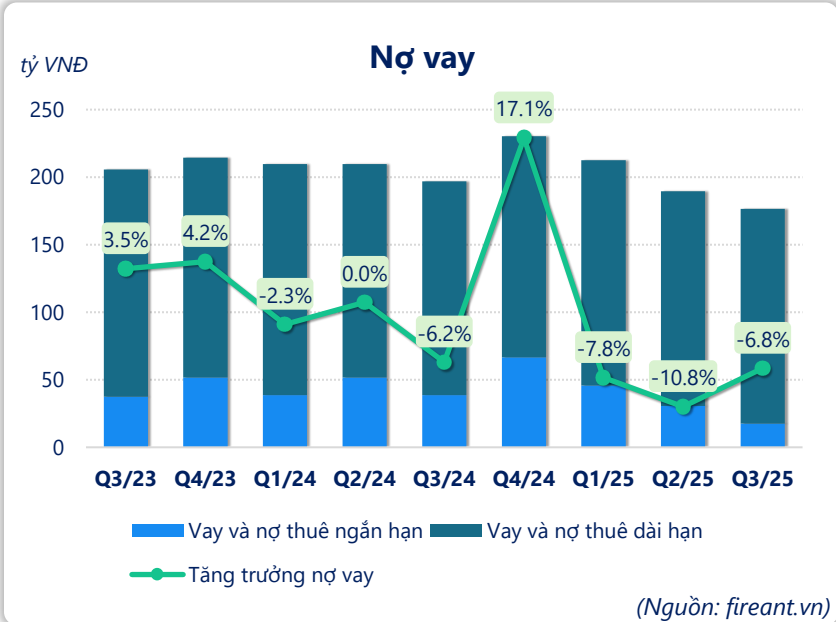
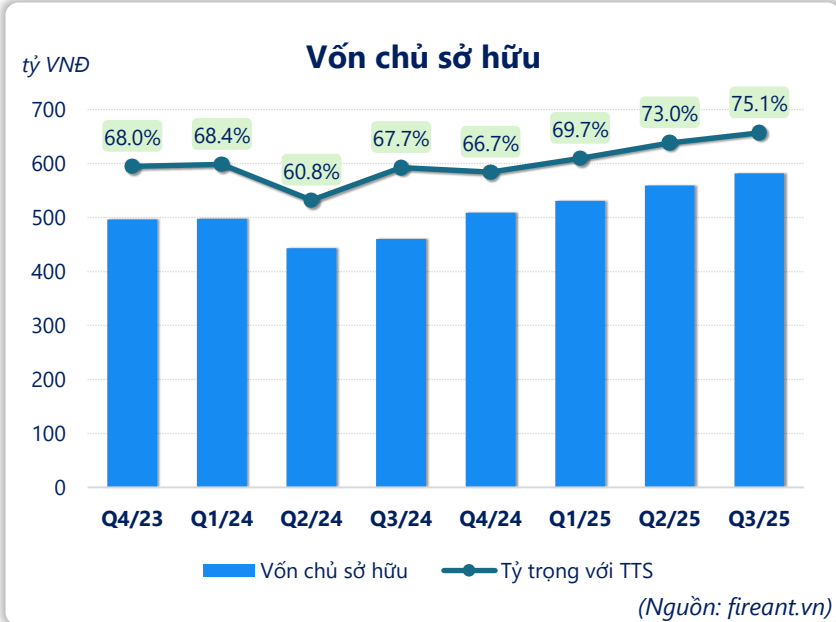
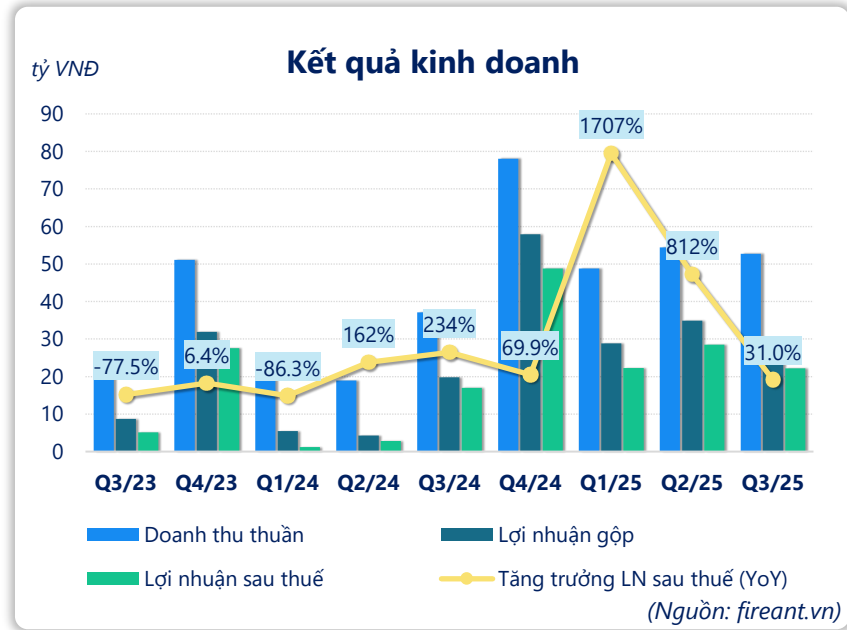
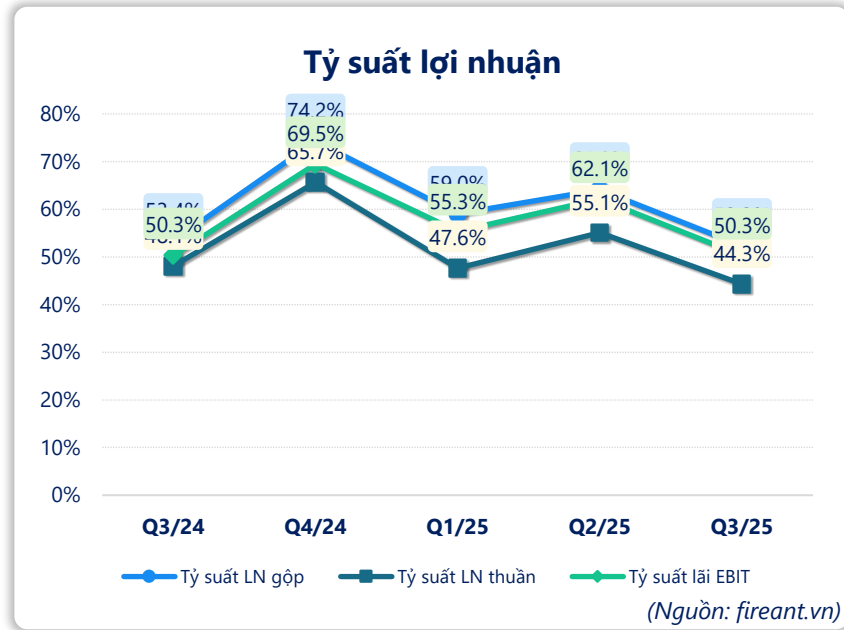
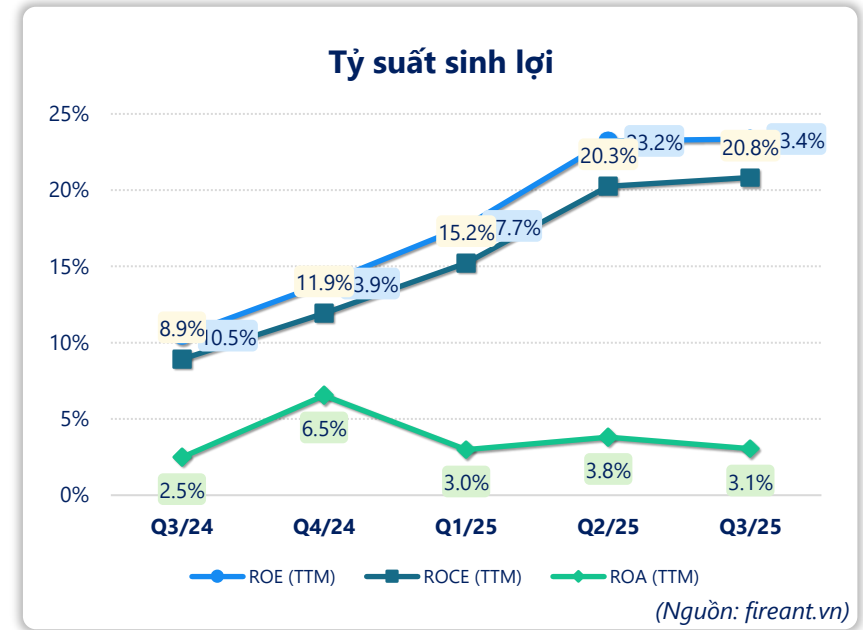
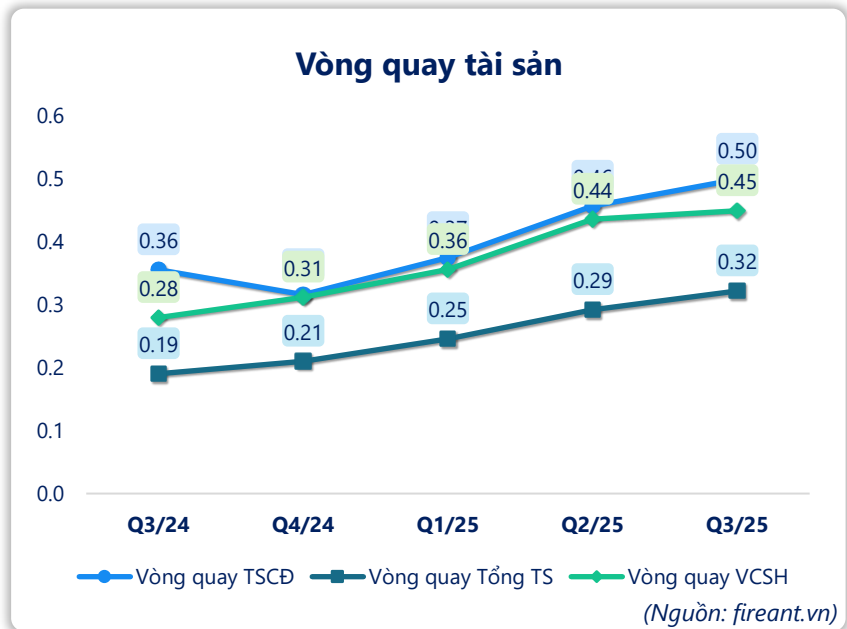
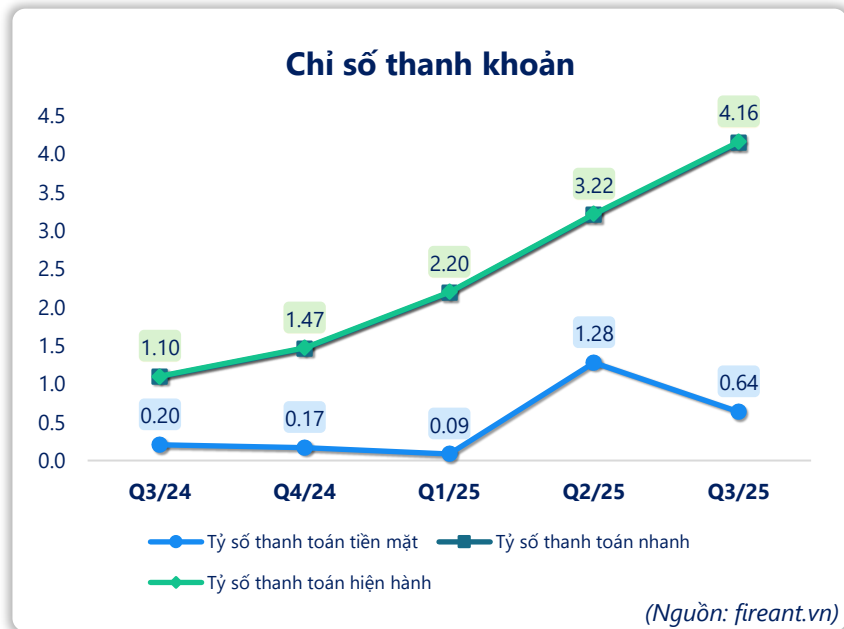
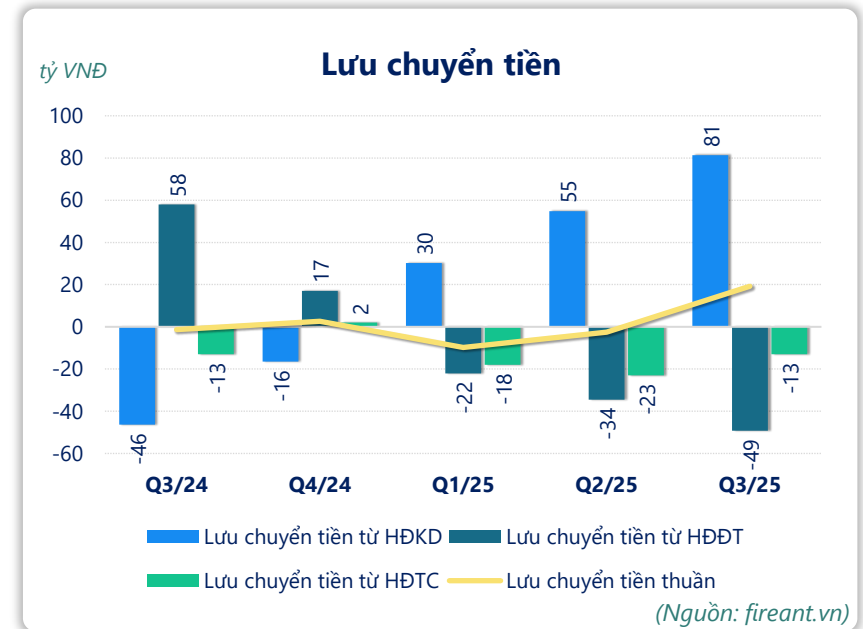


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		30,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		31,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,943
SL cổ phiếu LH		28,562,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10,335
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		877
P/E		7.2
EPS		4,260

	YTD	1T	3T	6T
GSM	32.2%	3.0%	7.5%	21.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	775	763	1.5%
Tài sản ngắn hạn	142	132	7.6%
Tiền và tương đương tiền	21.7	17.4	24.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	75.5	2.57	2845%
Phải thu ngắn hạn	43.9	111	-60.5%
Hàng tồn kho	0.46	0.46	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.18	0.14	30.7%
Tài sản dài hạn	633	632	0.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	590	623	-5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.29	1.19	7.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	34.4	0	
Tài sản dài hạn khác	7.92	7.06	12.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	193	254	-24.1%
Nợ ngắn hạn	34.1	87.7	-61.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.6	63.7	-72.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.07	8.54	-28.9%
Nợ dài hạn	159	167	-4.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	159	167	-4.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	582	509	14.3%
Vốn chủ sở hữu	582	509	14.3%
Vốn điều lệ	286	286	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	37.1	78.1	48.8	54.4	52.7
Giá vốn hàng bán	17.3	20.1	20.0	19.6	25.1
Lợi nhuận gộp	19.8	57.9	28.8	34.9	27.6
Doanh thu HĐTC	0.45	-0.07	0.00	0.73	0.75
Chi phí TC	0.83	2.90	3.56	3.83	3.16
Chi phí lãi vay	0.83	2.90	3.56	3.83	3.16
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.57	3.71	2.01	1.76	1.82
LN thuần từ HĐKD	17.9	51.3	23.2	30.0	23.4
Lợi nhuận khác	0.00	0.07	0.19	-0.01	0.00
LN trước thuế	17.9	51.3	23.4	30.0	23.4
Lợi nhuận sau thuế	17.0	48.8	22.3	28.5	22.2
LNST của CĐ cty mẹ	17.0	48.8	22.3	28.5	22.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-46.4	-16.5	30.3	54.9	81.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	57.9	17.1	-22.1	-34.5	-49.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.9	2.08	-17.9	-22.9	-12.9
Tiền đầu kỳ	13.9	12.6	15.3	5.48	2.44
Lưu chuyển tiền thuần	-1.34	2.69	-9.77	-2.51	19.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.5	15.2	5.48	2.98	21.7

(Nguồn: fireant.vn)